

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG SÀI GÒN THƯƠNG TÍN

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 1 NĂM 2009 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2009**

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG SÀI GÒN THƯƠNG TÍN

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG SÀI GÒN THƯƠNG TÍN

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 1 NĂM 2009 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2009**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo của kiểm toán viên	3
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01a - CTCK)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02a - CTCK)	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03a - CTCK)	9
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (Mẫu số B 09a - CTCK)	11

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG SÀI GÒN THƯƠNG TÍN

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy phép thành lập Số 4104000197 ngày 25 tháng 9 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Giấy phép thành lập và hoạt động số 17/UBCK-GPHĐKD ngày 29 tháng 9 năm 2006 và giấy phép sửa đổi tăng vốn điều lệ theo Quyết định số 73/UBCK-GP ngày 11 tháng 9 năm 2007 do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp.

Chủ tịch Ông Đặng Văn Thành

Ban Giám đốc

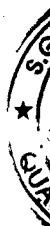
Ông Nguyễn Hồ Nam	Tổng Giám đốc
Ông Mạc Hữu Danh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Phong	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Hoài Châu	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Bích Thủy	Kế toán trưởng

Trụ sở chính

278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Kiểm toán viên

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG SÀI GÒN THƯƠNG TÍN

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính giữa niên độ thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2009 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2009 đến ngày 30 tháng 6 năm 2009. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

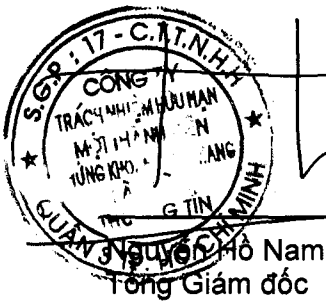
- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng chúng một cách nhất quán;
- thực hiện các phán đoán và ước lượng một cách hợp lý và thận trọng; và
- soạn lập các báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở doanh nghiệp hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Chúng tôi, Ban Giám đốc chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính giữa niên độ. Chúng tôi cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai qui định khác.

PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm từ trang 5 đến trang 28. Các báo cáo tài chính này trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2009 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2009 đến ngày 30 tháng 6 năm 2009 phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành áp dụng cho các công ty chứng khoán đang hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Hồ Nam
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 5 tháng 8 năm 2009

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CHỦ SỞ HỮU CỦA
CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG SÀI GÒN THƯƠNG TÍN**

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín ("Công ty") gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2009, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ của giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2009 đến ngày 30 tháng 6 năm 2009, và bảng tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu cùng các thuyết minh.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với các báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ quan hệ tới việc soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính giữa niên độ để các báo cáo tài chính này không bị sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính giữa niên độ này căn cứ vào việc kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực đó yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các tiêu chí đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng liệu các báo cáo tài chính giữa niên độ có sai sót trọng yếu hay không.

Cuộc kiểm toán bao hàm việc thực hiện các thủ tục kiểm toán nhằm thu được các bằng chứng về các số liệu và thuyết minh trong các báo cáo tài chính giữa niên độ. Những thủ tục kiểm toán được chọn lựa phụ thuộc vào phán đoán của kiểm toán viên, kể cả đánh giá rủi ro các báo cáo tài chính giữa niên độ bị sai sót trọng yếu do gian trá hoặc bị lỗi. Trong việc đánh giá các rủi ro đó, kiểm toán viên xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ quan hệ tới việc Công ty soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính giữa niên độ để thiết kế các thủ tục kiểm toán thích hợp cho từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán mà Ban Giám đốc đã thực hiện, cũng như đánh giá cách trình bày tổng thể các báo cáo tài chính giữa niên độ.

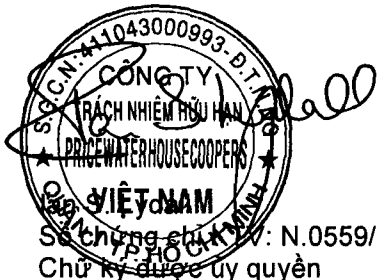
Chúng tôi tin rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu được đã đủ và thích hợp để làm cơ sở để chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến ngoại trừ

Theo phần trình bày trong Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính giữa kỳ này, báo cáo tài chính giữa kỳ không bao gồm các số liệu so sánh của giai đoạn trước như theo yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 21 – Trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của chúng tôi, việc trình bày các số liệu so sánh là cần thiết nhằm đảm bảo sự chính xác cho các báo cáo tài chính của giai đoạn hiện hành.

Ý kiến ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng của vấn đề nêu trên đoạn Cơ sở của ý kiến ngoại trừ, xét trên mọi phương diện trọng yếu, các báo cáo tài chính giữa niên độ thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2009 cũng như kết quả kinh doanh và các dòng lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2009 đến ngày 30 tháng 6 năm 2009, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam.



Nguyễn Hoàng Nam
Số chứng chỉ KTV: 0849/KTV

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)
TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số HCM2323
Ngày 5 tháng 8 năm 2009

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 cho các báo cáo tài chính giữa niên độ, các báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo là không nhằm thể hiện tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và cách thực hành kế toán Việt Nam.

01/08/2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 30.6.2009 Triệu đồng
A TÀI SẢN NGẮN HẠN		3.023.886
I Tiền và các khoản tương đương tiền	3	1.052.510
1 Tiền		645.510
2 Các khoản tương đương tiền		407.000
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4(a)	1.704.776
1 Đầu tư ngắn hạn		1.714.632
2 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(9.856)
III Các khoản phải thu		255.115
1 Phải thu khách hàng		1.463
2 Trả trước cho người bán		1.689
4 Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	5	72.773
5 Các khoản phải thu khác	6	179.190
V Tài sản ngắn hạn khác		11.485
1 Chi phí trả trước ngắn hạn		4.266
2 Thuế GTGT được khấu trừ		-
4 Tài sản ngắn hạn khác		7.219

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 28 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(tiếp theo)

	Thuyết minh	Tại ngày 30.6.2009 Triệu đồng
B TÀI SẢN DÀI HẠN		895.731
II Tài sản cố định		211.085
1 Tài sản cố định hữu hình	7(a)	130.106
Nguyên giá		142.603
Giá trị hao mòn lũy kế		(12.497)
2 Tài sản cố định thuê tài chính	7(b)	5.191
Nguyên giá		7.029
Giá trị hao mòn lũy kế		(1.838)
3 Tài sản cố định vô hình	7(c)	64.214
Nguyên giá		67.740
Giá trị hao mòn lũy kế		(3.526)
4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	7(d)	11.574
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	4(b)	671.564
3 Đầu tư chứng khoán dài hạn		
- Chứng khoán sẵn sàng để bán		742.045
5 Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(70.481)
V Tài sản dài hạn khác		13.082
1 Trả trước dài hạn		3.330
2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	13	3.440
3 Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán		4.192
4 Tài sản dài hạn khác		2.120
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.919.617

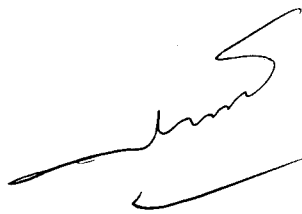
Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 28 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(tiếp theo)

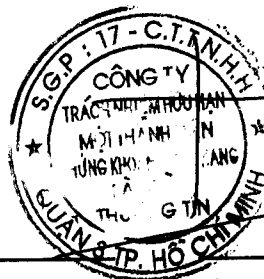
NGUỒN VỐN		Thuyết minh	Tại ngày 30.6.2009 Triệu đồng
A	NỢ PHẢI TRẢ		2.719.408
I	Nợ ngắn hạn		2.392.163
1	Vay ngắn hạn	8(a)	1.070.500
2	Phải trả người bán		384.852
3	Người mua trả tiền trước		18.734
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	9	13.468
5	Phải trả người lao động		6
6	Chi phí phải trả	10	51.882
8	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	11	720.051
9	Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		5.763
11	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	12	126.907
II	Nợ dài hạn		327.245
3	Phải trả dài hạn khác		838
4	Vay và nợ dài hạn	8(b)	324.461
6	Dự phòng trợ cấp mất việc làm		1.946
B	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.200.209
I	Vốn góp		1.192.106
1	Vốn của chủ sở hữu	14	1.100.000
7	Quỹ đầu tư phát triển	14	5.290
8	Quỹ dự phòng tài chính	14	42.028
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	14	44.788
II	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	14	8.103
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN			3.919.617



Nguyễn Bình Phương Thùy
Người lập



Nguyễn Bích Thủy
Kế toán trưởng

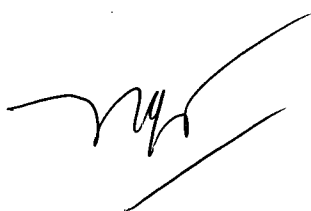


Nguyễn Hồ Nam
Tổng Giám đốc
Ngày 5 tháng 8 năm 2009

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 28 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

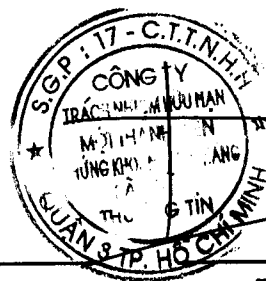
	Thuyết minh	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30.6.2009 Triệu đồng
1 Doanh thu		246.964
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		32.924
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		198.269
Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán		-
Doanh thu hoạt động tư vấn		7.545
Doanh thu sử dụng vốn		8.226
3 Doanh thu thuần		246.964
4 Chi phí hoạt động kinh doanh	15	(100.506)
5 Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		146.458
6 Chi phí quản lý doanh nghiệp	16	(24.353)
7 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		122.105
8 Thu nhập khác		2.840
9 Chi phí khác		(2.257)
10 Thu nhập khác		583
11 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		122.688
12 Chi phí thuế TNDN hiện hành	17	(12.894)
13 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	13	3.440
14 Lợi nhuận sau thuế TNDN		113.234



Nguyễn Bình Phương Thùy
Người lập



Nguyễn Bích Thủy
Kế toán trưởng



Nguyễn Hồ Nam
Tổng Giám đốc
Ngày 5 tháng 8 năm 2009

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 28 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

	Thuyết minh	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30.6.2009 Triệu đồng
I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
1 Lợi nhuận trước thuế		122.688
2 Điều chỉnh cho các khoản:		
Khấu hao tài sản cố định	7(a), (b), (c)	8.789
Các khoản dự phòng		(22.350)
Lãi từ hoạt động đầu tư		(89.881)
Chi phí lãi vay		45.657
		<hr/>
3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		64.903
Tăng các khoản phải thu		(221.206)
Tăng các khoản phải trả		910.360
Giảm các chi phí trả trước		4.763
Tiền lãi vay đã trả		(11.869)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(362)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(9.557)
		<hr/>
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		737.032
II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	7(a), (c), (d)	(179.451)
3 Đầu tư ủy thác, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(2.652.050)
4 Bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		2.068.267
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		64.410
		<hr/>
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(698.824)

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 28 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
(tiếp theo)

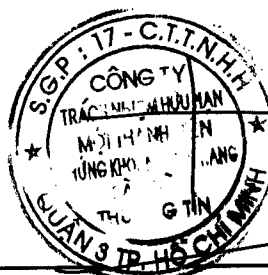
	Thuyết minh	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30.6.2009 Triệu đồng
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	659.414
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	(196.860)
5	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	(149)
6	Lợi nhuận đã chuyển về ngân hàng mẹ	(60.000)
	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	402.405
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	440.613
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	611.897
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	1.052.510



Nguyễn Bình Phương Thùy
Người lập



Nguyễn Bích Thủy
Kế toán trưởng



Nguyễn Hồ Nam
Tổng Giám đốc
Ngày 5 tháng 8 năm 2009

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 28 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 1 NĂM 2009 ĐẾN 30 THÁNG 6 NĂM 2009**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty TNHH Một Thành Viên Chứng Khoán Ngân Hàng Sài Gòn Thương Tín ("Công ty") được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy phép số 4104000197, ngày 25 tháng 9 năm 2006, do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp. Giấy phép thành lập và hoạt động số 17/UBCK-GPHĐKD do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 9 năm 2006 và giấy phép sửa đổi tăng vốn điều lệ theo Quyết định số 73/UBCK-GP, ngày 11 tháng 9 năm 2007 do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư, quản lý danh mục đầu tư và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2009, Công ty có 260 nhân viên.

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính giữa niên độ

Các báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành áp dụng cho các công ty chứng khoán đang hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam. Báo cáo tài chính giữa niên độ được soạn thảo dựa theo qui ước giá gốc.

Các báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thực hành kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Các nguyên tắc và thực hành kế toán sử dụng tại nước CHXHCN Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Báo cáo tài chính giữa kỳ không bao gồm các số liệu so sánh của giai đoạn trước như theo yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 21 – Trình bày báo cáo tài chính do không có yêu cầu lập bộ báo cáo tài chính giữa kỳ dạng đầy đủ cho giai đoạn trước.

2.2 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam và được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo triệu đồng Việt Nam.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được đánh giá lại theo tỷ giá áp dụng vào ngày của bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.4 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký sổ cái trên máy để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành, tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.6 Các khoản đầu tư

(a) Các khoản đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Các khoản đầu tư ngắn hạn ban đầu được ghi nhận theo giá trị mua thực tế. Sau đó, các khoản đầu tư ngắn hạn này được ghi nhận theo giá vốn trừ đi các khoản dự phòng. Dự phòng được lập cho các chứng khoán kinh doanh được tự do mua bán trên thị trường và khi có sự suy giảm giá trị chứng khoán.

Lãi hoặc lỗ từ kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo số thuần. Giá vốn của chứng khoán kinh doanh bán trong năm được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư ủy thác

Các khoản đầu tư ủy thác được ghi nhận theo giá vốn trừ các khoản dự phòng. Dự phòng được lập khi có sự suy giảm về giá trị đầu tư. Thu nhập từ các khoản đầu tư ủy thác được ghi nhận trong năm khi được hưởng.

Các hợp đồng mua và bán lại chứng khoán (“repo”)

Các chứng khoán đã bán theo các hợp đồng mua lại tại một ngày cụ thể trong tương lai được ghi nhận trong bảng cân đối kế toán. Số tiền tương ứng nhận được được ghi nhận riêng là khoản nợ phải trả trong bảng cân đối kế toán. Chênh lệch giữa giá bán và giá mua lại được ghi nhận là chi phí hay tài sản chờ phân bổ và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên thời hạn của hợp đồng theo phương pháp đường thẳng.

Ngược lại, các chứng khoán đã mua theo hợp đồng bán lại tại một ngày cụ thể được ghi nhận là các khoản đầu tư ngắn hạn trên bảng cân đối kế toán. Chênh lệch giữa giá mua và giá bán lại được ghi nhận là thu nhập hay nợ phải trả chờ phân bổ và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên thời hạn của hợp đồng theo phương pháp đường thẳng.

2.6 Các khoản đầu tư (tiếp theo)**(b) Các khoản đầu tư dài hạn – sẵn sàng để bán**

Các khoản đầu tư sẵn sàng để bán ban đầu được ghi nhận theo giá vốn mua thực tế. Sau đó, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán này được ghi nhận theo giá vốn trừ các khoản dự phòng. Dự phòng được lập khi có sự suy giảm về giá trị đầu tư.

Cổ tức nhận được từ chứng khoán vốn trong năm được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Thu nhập lãi từ chứng khoán nợ được ghi nhận là các khoản giảm trừ vào giá trị còn lại của chứng khoán kinh doanh cho từng giao dịch phát sinh trước ngày mua và được ghi nhận là thu nhập đầu tư cho từng giao dịch phát sinh kể từ ngày mua.

2.7 Tài sản cố định*Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc thụ đắc tài sản cố định.

Khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ hàng năm như sau:

Toà nhà	4,00%
Máy móc thiết bị	14,29%
Phương tiện vận tải	16,67%
Thiết bị quản lý	33,33%
Phần mềm hệ thống	33,33%

Thanh lý

Lãi và lỗ do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.8 Thuê tài sản cố định

Việc thuê tài sản cố định mà về thực chất Công ty chịu toàn bộ rủi ro cùng với hưởng lợi ích từ quyền sở hữu tài sản thì được hạch toán là thuê tài chính. Thuê tài chính được ghi nhận là tài sản tại thời điểm khởi điểm việc thuê với số tiền hạch toán là số thấp hơn khi so sánh giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê với hiện giá của toàn bộ các khoản thanh toán tối thiểu. Khoản thanh toán tiền thuê tài chính được tách ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc để duy trì một tỷ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ thuê tài chính. Khoản phải trả nợ gốc không bao gồm chi phí tài chính, được hạch toán là nợ dài hạn. Chi phí tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê. Bên thuê có trách nhiệm tính, trích khấu hao tài sản cố định vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo định kỳ trên cơ sở áp dụng chính sách khấu hao nhất quán với chính sách khấu hao của tài sản cùng loại thuộc sở hữu của doanh nghiệp đi thuê. Nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ có quyền sở hữu tài sản thuê khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản thuê sẽ được khấu hao theo thời hạn thuê nếu thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của tài sản thuê.

2.8 Thuê tài sản cố định (tiếp theo)

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.9 Chi phí vay

Chi phí vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong khoảng thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

2.10 Ghi nhận doanh thu**(a) Doanh thu cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư**

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư bao gồm phí môi giới chứng khoán, phí bảo lãnh phát hành và phí tư vấn đầu tư chứng khoán dựa trên giá thỏa thuận với nhà đầu tư và được ghi nhận theo phương pháp trích trước.

(b) Doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán và góp vốn

Doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán và góp vốn bao gồm thu nhập từ các hoạt động sau:

Thu nhập từ hoạt động tự doanh là khoản chênh lệch lãi bán chứng khoán tự doanh giữa giá mua và giá bán ra. Các khoản doanh thu này được ghi nhận vào kết quả kinh doanh khi có giao dịch phát sinh.

Thu nhập cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

Thu nhập từ các hoạt động mua quyền nhận tiền bán chứng khoán và từ các hợp đồng mua bán có kỳ hạn chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận theo phương pháp trích trước.

(c) Doanh thu về vốn kinh doanh

Doanh thu về vốn kinh doanh bao gồm thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng, và phí dịch vụ từ các hợp đồng cầm cố cổ phiếu ngắn hạn của khách hàng với ngân hàng và các đối tác khác. Các khoản doanh thu này được ghi nhận theo phương pháp trích trước.

2.11 Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, cho sự chênh lệch tạm thời giữa giá trị tính thuế của tài sản và nợ phải trả với giá trị sổ sách ghi trên báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại không được tính khi nó phát sinh từ sự ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch không phải là giao dịch sát nhập doanh nghiệp, mà giao dịch đó không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập tại thời điểm giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được bán đi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

2.12 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận được phân phối cho ngân hàng mẹ của Công ty được ghi nhận giảm trừ lợi nhuận để lại trong các báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà việc phân phối lợi nhuận được ngân hàng mẹ phê duyệt.

2.13 Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

2.14 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có một nghĩa vụ pháp lý hoặc liên đới hiện tại phát sinh từ các sự kiện đã qua; có thể đưa đến sự giảm sút những lợi ích kinh tế cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ; giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Khi có nhiều nghĩa vụ nợ tương tự nhau thì khả năng giảm sút lợi ích kinh tế do việc thanh toán nghĩa vụ nợ được xác định thông qua việc xem xét toàn bộ nhóm nghĩa vụ nói chung. Dự phòng cũng được ghi nhận cho dù khả năng giảm sút lợi ích kinh tế do việc thanh toán từng nghĩa vụ nợ là rất nhỏ.

Dự phòng được tính ở giá trị hiện tại của các khoản chi phí dự tính để thanh toán nghĩa vụ nợ với suất chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá theo thị trường hiện tại về thời giá của tiền tệ và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

2.15 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam người lao động của Công ty được hưởng khoản trợ cấp thôi việc căn cứ vào số năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008. Khoản trợ cấp này được trả một lần khi người lao động thôi làm việc cho Công ty. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở ước tính số tiền phải trả khi chấm dứt hợp đồng lao động căn cứ vào khoảng thời gian làm việc cho Công ty tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008. Khoản dự phòng được tính bằng nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc của người lao động tại Công ty, dựa trên mức lương tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30.6.2008 Triệu đồng
Tiền mặt	69
Tiền gửi ngân hàng	628.213
Các khoản tương đương tiền	407.000
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	17.228
	1.052.510
	1.052.510

Trong tổng số tiền và các khoản tương đương tiền có 722.431 triệu đồng do Công ty nắm giữ nhưng không được sử dụng. Số tiền này là tiền gửi của nhà đầu tư tại Công ty nhằm mục đích đầu tư của nhà đầu tư.

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

(a) Đầu tư ngắn hạn

(i) Các khoản đầu tư chứng khoán

	Ngày 30 tháng 6 năm 2009				
	Giá trị sổ sách	So với giá thị trường		Giá trị thị trường	Dự phòng
	Triệu đồng	Tăng Triệu đồng	Giảm Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng
Chứng khoán vốn đã niêm yết	119.435	9.263	(6.088)	122.610	6.088
Chứng khoán vốn chưa niêm yết (*)	134.690	6.561	(415)	140.836	415
	254.125	15.824	(6.503)	263.446	6.503
	254.125	15.824	(6.503)	263.446	6.503

(*) Giá trị thị trường của các chứng khoán vốn chưa niêm yết là giá bình quân của 5 công ty chứng khoán - Công ty Chứng Khoán Ngân Hàng Sài Gòn Thương Tín, Công ty Chứng Khoán Sài Gòn, Công ty Chứng Khoán Đông Á, Công ty Chứng Khoán Rồng Việt và Công ty Chứng Khoán FPT.

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

(a) Đầu tư ngắn hạn (tiếp theo)

(ii) Các khoản đầu tư ủy thác

	Ngày 30 tháng 6 năm 2009				
	Giá trị sổ sách	So với giá thị trường		Giá trị thị trường	Dự phòng
	Triệu đồng	Tăng Triệu đồng	Giảm Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng
Các khoản đầu tư ủy thác với lợi nhuận cố định	746.993	-	-	746.993	-
Các khoản đầu tư ủy thác với danh mục đầu tư (*)	93.568	-	(3.353)	90.215	3.353
Các khoản đầu tư ủy thác khác	280.941	-	-	280.941	-
	<u>1.121.502</u>	<u>-</u>	<u>(3.353)</u>	<u>1.118.149</u>	<u>3.353</u>

(*) Các khoản đầu tư ủy thác với danh mục đầu tư thể hiện giá trị các loại chứng khoán hiện đang được nắm giữ bởi người được ủy thác đầu tư thay mặt cho Công ty.

(iii) Các nghiệp vụ mua và bán lại chứng khoán

	Ngày 30 tháng 6 năm 2009	
	Giá trị sổ sách Triệu đồng	Dự phòng Triệu đồng
Chứng khoán vốn	<u>339.005</u>	<u>-</u>

(b) Các khoản đầu tư dài hạn - sẵn sàng để bán

	Ngày 30 tháng 6 năm 2009				
	Giá trị sổ sách	So với giá thị trường		Giá trị thị trường	Dự phòng
	Triệu đồng	Tăng Triệu đồng	Giảm Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng
Chứng khoán vốn đã niêm yết	32.334	-	(20.467)	11.867	20.467
Chứng khoán vốn chưa niêm yết (*)	698.631	-	(49.464)	649.167	49.464
Chứng khoán nợ	11.080	-	(550)	10.530	550
	<u>742.045</u>	<u>-</u>	<u>(70.481)</u>	<u>671.564</u>	<u>70.481</u>

(*) Bao gồm trong các chứng khoán vốn chưa niêm yết là các chứng khoán trị giá 134.917 triệu đồng được thế chấp tại các ngân hàng để vay ngắn hạn (xem Thuyết minh số 8).

5 PHẢI THU HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

Bao gồm trong các khoản phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán là 56.250 triệu đồng phải thu từ Công đoàn Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín cho một giao dịch bán chứng khoán trong kỳ. Số tiền này sẽ được thu hồi trong vòng 1 năm kể từ ngày bằng cân đối kế toán.

6 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30.6.2009
	Triệu đồng
Tiền ký quỹ để vay ngắn hạn	-
Tạm ứng cho nhà đầu tư cho các giao dịch bán chứng khoán	131.924
Các khoản phải thu từ việc cầm cố chứng khoán của khách hàng	1.010
Thu nhập lãi trích trước	20.393
Doanh thu trích trước cho các khoản đầu tư kinh doanh chứng khoán ủy thác với việc quản lý danh mục đầu tư	22.358
Cổ tức phải thu từ các công ty đầu tư ủy thác	-
Tạm ứng cho ngân hàng mẹ	3.505
Các khoản phải thu khác	3.505
	<u>179.190</u>

7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

	Toà nhà Triệu đồng	Máy móc thiết bị Triệu đồng	Thiết bị quản lý Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Nguyên giá				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	-	534	22.067	22.601
Mua mới	-	-	186	186
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Xem Thuyết minh số 7(d))	115.094	-	4.722	119.816
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2009	<u>115.094</u>	<u>534</u>	<u>26.975</u>	<u>142.603</u>
Khấu hao lũy kế				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	-	121	7.080	7.201
Khấu hao trong kỳ	1.150	46	4.100	5.296
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2009	<u>1.150</u>	<u>167</u>	<u>11.180</u>	<u>12.497</u>
Giá trị còn lại				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	-	413	14.987	15.400
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2009	<u>113.944</u>	<u>367</u>	<u>15.795</u>	<u>130.106</u>

7 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH (tiếp theo)

(a) Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Bao gồm trong giá trị tài sản cố định hữu hình là 58 triệu nguyên giá tài sản hiện đang thế chấp tại công ty đầu tư tài chính Hà Nội để đảm bảo cho việc phát hành trái phiếu ngắn hạn (Xem Thuyết minh số 8)

(b) Tài sản cố định thuê tài chính

Phương tiện vận tải
Triệu đồng

Nguyên giá
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2009 và ngày 30 tháng 6 năm 2009 7.029

Khấu hao lũy kế
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2009 1.251
Khấu hao trong kỳ 587

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2009 1.838

Giá trị còn lại
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2009 5.778

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2009 5.191

(c) Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất Triệu đồng	Phần mềm hệ thống Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
--	---------------------------------	---------------------------------	-------------------------

Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	-	3.468	3.468

Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Xem Thuyết minh số 7(d))	58.000	6.272	64.272
--	--------	-------	--------

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2009	58.000	9.740	67.740
------------------------------	--------	-------	--------

Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	-	620	620
Khấu hao trong kỳ	-	2.906	2.906

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2009	-	3.526	3.526
------------------------------	---	-------	-------

Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	-	2.848	2.848

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2009	58.000	6.214	64.214
------------------------------	--------	-------	--------

7 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH (tiếp theo)

(d) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30.6.2009 Triệu đồng
Số dư đầu kỳ	16.397
Tăng	180.883
Chuyển vào tài sản cố định hữu hình (Xem Thuyết minh số 7(a))	(119.816)
Chuyển vào tài sản cố định vô hình (Xem Thuyết minh số 7(c))	(64.272)
Chuyển vào các khoản trả trước ngắn hạn	(1.618)
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	<u>11.574</u>

	30.6.2009 Triệu đồng
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản mục sau đây	
Hệ thống báo động	-
Phí nâng cấp chi nhánh Sài Gòn	3.564
Phần mềm môi giới - Hệ thống Best	4.559
Phần mềm cho Front office - Unicom	2.876
Máy chủ IBM	-
Các khoản mục khác	575
	<hr/>
	<u>11.574</u>

8 CÁC KHOẢN VAY

(a) Vay và nợ ngắn hạn

	30.6.2009 Triệu đồng
Vay ngắn hạn	280.500
Trái phiếu phát hành	790.000
	<hr/>
	<u>1.070.500</u>

Các khoản vay ngắn hạn bao gồm các khoản vay ngắn hạn ngân hàng và công ty với lãi suất từ 6,96%/năm đến 12%/năm. Tổng số vay từ ngân hàng là có thể chấp bằng các chứng khoán đầu tư của Công ty (xem Thuyết minh số 4(b)).

Trái phiếu phát hành có kỳ hạn 2 năm và đáo hạn trong vòng 1 năm tính từ ngày bằng cân đối kế toán. Trái phiếu có lãi suất từ 9% đến 15,5%/năm.

8 CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)

(b) Vay và nợ dài hạn

	30.6.2009 Triệu đồng
Nợ thuê tài chính (*)	4.461
Trái phiếu phát hành	320.000
	324.461
	324.461

Trái phiếu phát hành có kì hạn ban đầu từ 15 tháng đến 36 tháng và có lãi suất từ 10,5%/năm đến 12%/năm.

(*) Các khoản nợ thuê tài chính.

	30.6.2009		Nợ gốc
	Tổng nợ thuê tài chính	Chi phí lãi	Triệu đồng
	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng
Trong vòng 1 năm	2.184	394	1.790
Từ 1 đến 5 năm	2.922	251	2.671
	5.106	645	4.461
	5.106	645	4.461

Các khoản nợ thuê tài chính là các khoản thuê tài chính Công ty Cho thuê Tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (Xem Thuyết minh số 7(b)).

9 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30.6.2009 Triệu đồng
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.532
Các khoản phải trả khác	936
	13.468
	13.468

10 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30.6.2009 Triệu đồng
Lãi phải trả tiền vay, trái phiếu phát hành	47.663
Chi phí lương tháng 13 trích trước	1.829
Chi phí trích trước cho hoạt động môi giới	139
Chi phí hoạt động trích trước	1.910
Phí chuyên gia	220
Chi phí khác	121
	<hr/>
	51.882 <hr/> <hr/>

11 PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

Số dư chủ yếu là số tiền gửi của các nhà đầu tư tại Công ty cho mục đích đầu tư chứng khoán của các nhà đầu tư.

12 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30.6.2009 Triệu đồng
BHXH, BHYT, kinh phí Công đoàn	480
Phải trả cho việc mua chứng khoán (*)	123.024
Các khoản phải trả khác	3.404
	<hr/>
	126.907 <hr/> <hr/>

(*) Bao gồm trong khoản phải trả cho việc mua chứng khoán là khoản tiền 120.000 triệu đồng ứng trước từ Công ty đầu tư tài chính Hà Nội và Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Thăng Long theo hợp đồng môi giới mua trái phiếu chính phủ và chứng khoán niêm yết. Phần còn lại là khoản chi phí lãi trích trước cho việc sử dụng vốn trong suốt thời gian của hợp đồng môi giới với lãi suất từ 9% đến 12% một năm.

13 THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và khi thuế thu nhập hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế. Số liệu về bù trừ như sau:

	30.6.2009 Triệu đồng
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:	
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi sau hơn 12 tháng	2.716
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi trong vòng 12 tháng	724
	<hr/>
	3.440 <hr/> <hr/>

13 THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI (tiếp theo)

Biến động gộp của thuế thu nhập hoãn lại không tính bù trừ các số dư liên quan đến cùng một cơ quan thuế như sau:

**Giai đoạn 6 tháng kết thúc
ngày 30.6.2009
Triệu đồng**

Số dư đầu kỳ	-
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	3.440
	3.440
Số dư cuối kỳ	3.440

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ dự phòng trợ cấp thôi việc, dự phòng giảm giá chứng khoán chưa niêm yết và trích trước chi phí hoạt động.

14 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

		Số đầu kỳ	Tăng	Giảm	Số cuối kỳ
		Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng
I	Nguồn vốn kinh doanh và dự phòng				
1	Vốn góp	1.100.000	-	-	1.100.000
7	Quỹ đầu tư phát triển	4.882	810	(402)	5.290
8	Quỹ dự phòng tài chính (*)	39.096	-	-	39.096
9	Quỹ khác (**)	2.373	810	(251)	2.932
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối				
	- Số đầu kỳ	1.112	-	-	-
	- Lợi nhuận ròng trong năm	-	113.234	-	-
	- Trích lập các quỹ	-	-	(9.558)	-
	- Chuyển lợi nhuận về ngân hàng mẹ	-	-	(60.000)	-
	- Số cuối kỳ	-	-	-	44.788
	Tổng cộng	1.147.463	114.854	(70.211)	1.192.106
II	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	8.544	7.938	(8.379)	8.103
	Tổng cộng	1.156.007	122.792	(78.590)	1.200.209

14 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

(*) Theo Quyết định số 27/2007/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ Quản lý tài chính đối với công ty chứng khoán, Công ty được yêu cầu phải thiết lập các quỹ dự phòng tài chính dựa trên lợi nhuận hàng năm như sau:

- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ bằng 5% lợi nhuận ròng hàng năm cho đến khi quỹ dự trữ này đạt tới 100% vốn điều lệ của Công ty; và
- Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ bằng 5% lợi nhuận ròng hàng năm cho đến khi quỹ dự trữ này đạt tới 10% vốn điều lệ của Công ty.

(**) Ngoài ra, trong giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2009 đến ngày 30 tháng 6 năm 2009 Công ty còn thực hiện trích lập các quỹ sau đây theo Điều lệ Công ty và theo sự phê duyệt của Chủ tịch Công ty:

- Quỹ đầu tư phát triển bằng 1% lợi nhuận ròng ước tính;
- Quỹ bảo vệ nhà đầu tư bằng 1% lợi nhuận ròng ước tính;
- Quỹ khen thưởng bằng 5% lợi nhuận ròng ước tính; và
- Quỹ phúc lợi bằng 5% lợi nhuận ròng ước tính.

15 CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

**Giai đoạn 6 tháng kết thúc
ngày 30.6.2009
Triệu đồng**

Chi phí môi giới chứng khoán cho nhà đầu tư	5.831
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán	21.014
- Lỗ từ hoạt động đầu tư chứng khoán	40.964
- Dự phòng (hoàn nhập)/trích lập	(22.350)
- Hoa hồng môi giới	2.400
Chi phí về vốn kinh doanh	48.315
Chi phí bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	155
Chi phí lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư	374
Chi phí tư vấn	270
Chi phí khác trực tiếp hoạt động kinh doanh chứng khoán	24.547
	100.506
	100.506

16 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

**Giai đoạn 6 tháng kết thúc
ngày 30.6.2009
Triệu đồng**

Khấu hao tài sản cố định	6.218
Chi phí nhân viên	10.579
Chi phí vật liệu, văn phòng phẩm	114
Chi phí công cụ, đồ dùng	762
Thuế, phí, lệ phí	7
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.109
Chi phí bằng tiền khác	1.564
	24.353

17 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”)

Theo quyết định 100/2004/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2004 ban hành bởi Bộ tài chính, Công ty chịu mức thuế suất TNDN 20% lợi nhuận thu được trong vòng 10 năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động. Công ty được miễn thuế TNDN trong 2 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 3 năm tiếp theo

Theo các quy định về thuế hiện hành áp dụng cho các công ty chứng khoán, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm 2008.

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất 10% theo quy định hiện hành và được thể hiện như sau:

**Giai đoạn 6 tháng kết thúc
ngày 30.6.2009
Triệu đồng**

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	12.894
Thuế thu nhập hoãn lại	(3.440)
	9.454

**Giai đoạn 6 tháng kết thúc
ngày 30.6.2009
Triệu đồng**

Lợi nhuận kế toán trước thuế	122.688
Thuế tính ở thuế suất 10%	12.269
Điều chỉnh:	
Chi phí không được khấu trừ	625
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	12.894

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho giai đoạn được tính dựa vào thu nhập chịu thuế ước tính và tùy thuộc vào sự kiểm tra và có thể có những điều chỉnh của cơ quan thuế.

18 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty được kiểm soát bởi Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín sở hữu 100% vốn điều lệ của Công ty.

(a) Nghiệp vụ với các bên liên quan

Trong giai đoạn, các nghiệp vụ sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

i) Doanh thu bán hàng và dịch vụ

**Giai đoạn 6 tháng kết thúc
ngày 30.6.2009
Triệu đồng**

Sacombank	8.713
Các công ty liên quan khác	11.202
	<hr/>
	19.915
	<hr/> <hr/>

ii) Mua hàng hóa và dịch vụ

**Giai đoạn 6 tháng kết thúc
ngày 30.6.2009
Triệu đồng**

Sacombank	478
Các công ty liên quan khác	137
	<hr/>
	615
	<hr/> <hr/>

iii) Các khoản chi cho các chức trách quản lý chủ chốt

**Giai đoạn 6 tháng kết thúc
ngày 30.6.2009
Triệu đồng**

Lương và các quyền lợi gộp khác	2.017
	<hr/> <hr/>

18 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

iv) Hoạt động tài chính

**Giai đoạn 6 tháng kết thúc
ngày 30.6.2009
Triệu đồng**

Lợi nhuận chuyển về Ngân hàng mẹ	60.000
Trả nợ hợp đồng thuê tài chính	895
Cho vay và đầu tư ngắn hạn	67.993
Hợp đồng mua chứng khoán có kỳ hạn	422.314
Hợp đồng bán chứng khoán có kỳ hạn	355.164
	<hr/>

(b) Số dư cuối giai đoạn với các bên liên quan

**30.6.2009
Triệu đồng**

Các khoản phải thu

Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín - tiền mặt và tiền gửi ngân hàng	678.490
Công ty cho thuê tài chính ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	365
Công ty đầu tư Sài Gòn Thương Tín	26.103
Công đoàn ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	56.250
Các bên liên quan khác	63.530
Các khoản đầu tư ngắn hạn	72.250
	<hr/>

896.988

Các khoản phải trả

Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín - các khoản phải trả khác	383.978
Các công ty liên quan khác - thuê tài chính	4.469
	<hr/>

388.447

19 CAM KẾT VỐN

Các cam kết về chi tiêu tạo lập tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính như sau:

	30.6.2009 Triệu đồng
Nhà xưởng, máy móc và thiết bị	182
Phần mềm vi tính	823
	<hr/>
	1.005
	<hr/> <hr/>

20 CÁC CAM KẾT HOẠT ĐỘNG

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	30.6.2009 Triệu đồng
Các khoản phải trả dưới một năm	5.116
Các khoản phải trả trong vòng từ một đến năm năm	10.529
	<hr/>
	15.645
	<hr/> <hr/>

21 CÁC CAM KẾT KHÁC

Trong kỳ, Công ty thực hiện một số nghiệp vụ mua và bán lại chứng khoán (Repo), theo đó tổng giá trị các cam kết bán lại chứng khoán trong kỳ được phản ánh như sau:

	30.6.2009 Triệu đồng
Cam kết bán lại chứng khoán theo hợp đồng mua và bán lại chứng khoán	339.005
	<hr/> <hr/>

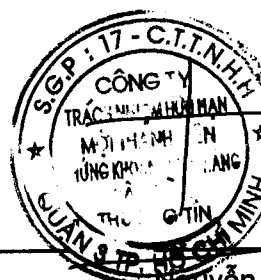
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được Ban Giám đốc duyệt ngày 5 tháng 8 năm 2009.



Nguyễn Bình Phương Thùy
Người lập



Nguyễn Bích Thủy
Kế toán trưởng



Nguyễn Hồ Nam
Tổng Giám đốc